

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DU LỊCH KHÁNH HÒA

TS
/ZC

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	8 - 11
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	15 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 21/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Công ty Du lịch Khánh Hòa thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu số 4200239561 ngày 17/09/2010, kế thừa mọi quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của Công ty Du lịch Khánh Hòa tại thời điểm chuyển giao.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4200239561 ngày 18/05/2013.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cấp lần đầu là 87.627.000.000 đồng và không thay đổi qua lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp sau đó.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ trụ sở chính của Chủ sở hữu đặt tại 01 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 01 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (84-58) 3 521 020 Fax : (84-58) 3 521 807
Email : dulichkh@dng.vnn.vn MST : 4 2 0 0 2 3 9 5 6 1

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 số 4200239561 ngày 18/05/2013 bao gồm: Đại lý đổi ngoại tệ; Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (bao gồm: hướng dẫn du lịch, phiên dịch); Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ; Cắt tóc, làm đầu, gội đầu; Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Đại lý du lịch; Dịch vụ ăn uống; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, phương tiện vận tải; Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; Mua bán ô tô và xe có động cơ khác; Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Mua bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào; Hoạt động tư vấn quản lý nhà hàng, khách sạn; Mua bán đồ dùng cho cá nhân và gia đình (trừ dược phẩm và dụng cụ y tế); Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí, kinh doanh vũ trường, dịch vụ bơi lội trên biển, thuyền buồm, lướt ván, honda nước, nhảy dù trên biển, công viên vui chơi, sân golf; Dịch vụ tổ chức, biểu diễn ca nhạc, thời trang; Dạy nghề bơi lội biển, dạy nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch lữ hành, hướng dẫn; Đại lý mua bán hàng hóa, vàng bạc đá quý; Vận tải hành khách du lịch đường thủy; Vận chuyển khách du lịch đường bộ; Đại lý bán vé tàu hỏa, vé máy bay; Dịch vụ tắm hơi, massage, làm đẹp và chăm sóc sức khỏe tương tự; Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không có cồn; Mua bán thuốc lá điếu; Mua bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, bán tranh ảnh và các tác phẩm nghệ thuật (trừ đồ cổ), đồng hồ, kính mắt; Mua bán trò chơi, đồ chơi; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da; Mua bán nước hoa, mỹ phẩm.

Đơn vị trực thuộc Công ty:

- ▶ Khách sạn Viễn Đông
Địa chỉ : 01 Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- ▶ Trung tâm dịch vụ lữ hành
Địa chỉ : 01 Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- ▶ Văn phòng Công ty
Địa chỉ : 01 Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH KHÁNH HÒA

01 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết.

Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết được thành lập theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chuyển Khu Du lịch Dốc Lết thuộc Công ty Du lịch Khánh Hòa thành Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết. Công ty con này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 6 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó. Lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200648638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 25 tháng 4 năm 2011.

Vốn điều lệ của công ty con này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 10.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh. Trong đó Công ty sở hữu 51%.

Hoạt động chính của công ty con này là đầu tư, khai thác Khu Du lịch Dốc Lết và các dịch vụ kèm theo tại phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- Ngày 22/01/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Khách sạn Quê Hương thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đưa vào góp vốn liên doanh. Ngày 05/03/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đã bàn giao tài sản góp vốn thành lập Công ty TNHH Mừng Thanh Nha Trang. Giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Mừng Thanh Nha Trang là 18.000.000.000 đồng.

- Ngày 05/07/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công viên Phù Đồng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đưa vào góp vốn liên doanh. Ngày 18/07/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đã bàn giao tài sản góp vốn thành lập Công ty TNHH Invest Park Nha Trang. Giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Invest Park Nha Trang là 12.223.380.000 đồng.

Tuy nhiên đến ngày 18/12/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa và Công ty TNHH Invest Park Nha Trang đã thực hiện điều chỉnh giá trị tài sản bàn giao, theo đó giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Invest Park Nha Trang được điều chỉnh lại là 9.550.000.000 đồng. Ngày 23/01/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định số 211/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị bàn giao tài sản sau điều chỉnh.

- Ngày 13/01/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Thông báo số 26/TB-UBND đồng ý cho phép Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa liên doanh với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Toàn Hải Nam để đầu tư khách sạn Hải Yến tại số 40 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201469800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 20/04/2012. Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang có trụ sở chính đặt tại số 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của công ty này là 50.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 10.000.000.000 đồng (chiếm 20%) bằng giá trị tài sản của Khách sạn Hải Yến.

Tại thời điểm 0 giờ ngày 07/09/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa cùng với Khách sạn Hải Yến đã tiến hành bàn giao toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang để góp vốn liên doanh.

- Ngày 29/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Thông báo số 6037/UBND-KT đồng ý cho phép Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Quản trị Trần để đầu tư khách sạn Viễn Đông tại số 01 Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH KHÁNH HÒA
01 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty TNHH Trần - Viễn Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201572660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 14/09/2013. Công ty TNHH Trần - Viễn Đông có trụ sở chính đặt tại số 01 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của công ty này là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 25.000.000.000 đồng (chiếm 25%) bằng giá trị tài sản của Khách sạn Viễn Đông.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 33).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 23/01/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị tài sản của Công viên Phù Đổng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa bàn giao cho Công ty TNHH Invest Park Nha Trang như đã nêu ở mục "Các sự kiện quan trọng" ở phần trên.

Ngày 20/03/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 660/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Khách sạn Hải Yến thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đưa vào góp vốn liên doanh. Giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang là 16.000.000.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Phạm Đình Xuân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Thái	Thành viên
Ông Đỗ Đăng Khoa	Thành viên
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Phạm Đình Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Phúc	Kiểm soát viên
Ông Đỗ Đăng Khoa	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH KHÁNH HÒA
01 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập và trình bày báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Đình Xuân

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Trụ sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, F. 8, Quận Gò Vấp, TP. HCM.
Văn Phòng Giao Dịch : 2/23 Quách Văn Tuấn, K306 Cộng Hòa, P. 12, Q. Tân Bình.
Chi nhánh Nha Trang : 07 Vân Đồn - Phường Phước Hòa - Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.
Chi nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định - TP. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

FAC AUDITING CO., LTD

Tel : (08) 3 948 3100 Fax : (08) 3 948 3102
Tel : (0-58) 3 872 355 Fax : (0-58) 3 872 344
Tel : (0-64) 2 210 287 Fax : (0-64) 6 253 070

Số : 036/2014/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

**Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 01 tháng 4 năm 2014, từ trang 8 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của chúng tôi, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, chúng tôi đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được cáo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Invest Park Nha Trang và Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang, hai đơn vị nhận vốn đầu tư của Công ty và đang được trình bày ở khoản mục Đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số IV.13). Do đó chúng tôi không có cơ sở để xem xét việc cần phải trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư vào hai công ty này trong năm 2013.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như được trình bày tại thuyết minh VI.7, báo cáo tài chính được kiểm toán đính kèm đã được lập lại thay thế cho báo cáo tài chính đã được kiểm toán công bố ngày 25 tháng 3 năm 2014, trong đó Công ty đã thực hiện thay đổi số liệu trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (giảm số trích dự phòng đầu tư tài chính cho năm 2013 số tiền 779.710.122 đồng).

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung và phát hành Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 026/2014/BCTC-FACNT đã phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2014.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH NHA TRANG**



Nguyễn Thịnh - Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-1
Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014

Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0982-2013-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		64.516.930.992	55.048.269.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV. 1	16.006.509.135	11.844.217.837
1. Tiền		111		16.006.509.135	11.844.217.837
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		19.549.500.000	9.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn		121	IV. 2	19.549.500.000	9.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		28.077.157.814	33.113.745.178
1. Phải thu khách hàng		131	IV. 3	2.001.089.497	732.545.752
2. Trả trước cho người bán		132	IV. 4	182.888.120	565.092.864
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	IV. 5	25.893.180.197	31.816.106.562
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		385.540.987	585.699.435
1. Hàng tồn kho		141	IV. 6	385.540.987	585.699.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		498.223.056	504.607.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV. 7	96.223.056	99.607.478
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	IV. 8	402.000.000	405.000.000

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.312.226.929	116.293.722.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.451.359.852	67.263.088.943
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 9	58.451.359.852	67.007.258.817
<i>Nguyên giá</i>	222		78.514.749.404	94.344.342.165
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.063.389.552)	(27.337.083.348)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 10	-	255.830.126
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.707.301.329	44.869.542.300
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV. 11	5.100.000.000	5.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV. 12	22.482.922.300	22.482.922.300
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 13	44.836.620.000	17.286.620.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	IV. 14	(1.712.240.971)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.153.565.748	4.161.091.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 15	903.565.748	3.911.091.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	IV. 16	250.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.829.157.921	171.341.992.398

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH KHÁNH HÒA

01 Trần Hưng Đạo - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		01/01/2013	
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.202.531.689		50.725.731.011	
I. Nợ ngắn hạn	310		24.692.166.266		24.741.911.042	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 17	4.488.000.000		4.488.000.000	
2. Phải trả người bán	312	IV. 18	578.480.561		783.275.608	
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 19	2.036.160.060		992.802.240	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 20	3.767.901.598		12.091.408.197	
5. Phải trả người lao động	315		12.003.931.868		30.172.187	
6. Chi phí phải trả	316	IV. 21	304.988.398		255.102.941	
7. Phải trả nội bộ	317		-		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 22	1.269.959.161		2.648.762.421	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 23	242.744.620		3.452.387.448	
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-		-	
II. Nợ dài hạn	330		21.510.365.423		25.983.819.969	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 24	21.335.819.969		25.823.819.969	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	IV. 25	174.545.454		160.000.000	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.626.626.232		120.616.261.387	
I. Vốn chủ sở hữu	410		148.626.626.232		120.616.261.387	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 26	87.627.000.000		87.627.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	IV. 26	-		11.159.117.850	
4. Cổ phiếu quỹ	414		-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-		-	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 26	6.491.808.510		7.109.780.903	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 26	54.507.817.722		14.720.362.634	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430					
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.829.157.921		171.341.992.398	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	46.651.980
4. Nợ khó đòi đã xử lý		89.975.540	53.119.540
5. Ngoại tệ các loại (USD)		13.788,03	62.656,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014

Phan Văn Sỹ
Người lập biểu

Đỗ Đăng Khoa
Kế toán trưởng



Phạm Đình Xuân
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	61.025.502.556	93.446.093.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	-	41.758.183
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	61.025.502.556	93.404.335.328
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	41.751.126.797	68.997.457.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.274.375.759	24.406.878.272
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	13.134.415.304	10.531.876.682
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	5.764.356.018	5.233.348.439
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.047.609.827	5.228.133.481
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	3.853.160.838	4.955.219.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	10.930.780.690	27.931.943.753
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.860.493.517	(3.181.756.360)
11. Thu nhập khác	31	V. 7	27.895.366.940	23.884.372.461
12. Chi phí khác	32	V. 8	396.507.681	289.848.024
13. Lợi nhuận khác	40		27.498.859.259	23.594.524.437
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.359.352.776	20.412.768.077
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	8.395.047.968	3.154.328.744
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.964.304.808	17.258.439.333

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014


Phan Văn Sỹ
Người lập biểu


Đỗ Đăng Khoa
Kế toán trưởng


Phạm Đình Xuân
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		83.470.424.184	103.634.142.656
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.018.223.504)	(49.385.714.329)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.610.448.701)	(35.244.111.239)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.797.511.827)	(5.228.133.481)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.211.837.180)	(1.260.992.371)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		101.639.220.098	43.882.725.997
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(116.063.319.119)	(59.673.823.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.408.303.951	(3.275.906.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(34.354.545)	(7.609.572.175)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.291.429.839	8.042.990.911
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.549.500.000)	(59.314.250.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	72.613.205.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.532.634.862	4.754.848.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.240.210.156	18.487.222.450


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			4.319.291.801
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.488.000.000)	(6.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.355.361.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.488.000.000)	(10.036.069.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.160.514.107	5.175.247.251
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	11.844.217.837	6.668.269.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.777.191	701.318
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	16.006.509.135	11.844.217.837


Phan Văn Sỹ
Người lập biểu


Đỗ Đăng Khoa
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014


Phạm Đình Xuân
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa ("Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 21/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Công ty Du lịch Khánh Hòa thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu số 4200239561 ngày 17/09/2010, kế thừa mọi quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của Công ty Du lịch Khánh Hòa tại thời điểm chuyển giao.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4200239561 ngày 18/05/2013.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cấp lần đầu là 87.627.000.000 đồng và không thay đổi qua lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp sau đó.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ trụ sở chính của Chủ sở hữu đặt tại 01 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 số 4200239561 ngày 18/05/2013 bao gồm: Đại lý đổi ngoại tệ; Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (bao gồm: hướng dẫn du lịch, phiên dịch); Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ; Cắt tóc, làm đầu, gội đầu; Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Đại lý du lịch; Dịch vụ ăn uống; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, phương tiện vận tải; Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; Mua bán ô tô và xe có động cơ khác; Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Mua bán gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào; Hoạt động tư vấn quản lý nhà hàng, khách sạn; Mua bán đồ dùng cho cá nhân và gia đình (trừ dược phẩm và dụng cụ y tế); Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí, kinh doanh vũ trường, dịch vụ bơi lội trên biển, thuyền buồm, lướt ván, honda nước, nhảy dù trên biển, công viên vui chơi, sân golf; Dịch vụ tổ chức, biểu diễn ca nhạc, thời trang; Dạy nghề bơi lội biển, dạy nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch lữ hành, hướng dẫn; Đại lý mua bán hàng hóa, vàng bạc đá quý; Vận tải hành khách du lịch đường thủy; Vận chuyển khách du lịch đường bộ; Đại lý bán vé tàu hỏa, vé máy bay; Dịch vụ tắm hơi, massage, làm đẹp và chăm sóc sức khỏe tương tự; Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không có cồn; Mua bán thuốc lá điếu; Mua bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, bán tranh ảnh và các tác phẩm nghệ thuật (trừ đồ cổ), đồng hồ, kính mắt; Mua bán trò chơi, đồ chơi; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da; Mua bán nước hoa, mỹ phẩm.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 147 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 265 người).

2. Công ty con và công ty liên kết

Trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Tỷ lệ % sở hữu</u>
Công ty con	
Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết	51%
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	34,7%

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh IV.11 và IV.12.

3. Các sự kiện quan trọng

- Ngày 22/01/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Khách sạn Quê Hương thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đưa vào góp vốn liên doanh. Ngày 05/03/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đã bàn giao tài sản góp vốn thành lập Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang. Giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang là 18.000.000.000 đồng.
- Ngày 05/07/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công viên Phù Đổng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đưa vào góp vốn liên doanh. Ngày 18/07/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đã bàn giao tài sản góp vốn thành lập Công ty TNHH Invest Park Nha Trang. Giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Invest Park Nha Trang là 12.223.380.000 đồng.
- Tuy nhiên đến ngày 18/12/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa và Công ty TNHH Invest Park Nha Trang đã thực hiện điều chỉnh giá trị tài sản bàn giao, theo đó giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Invest Park Nha Trang được điều chỉnh lại là 9.550.000.000 đồng. Ngày 23/01/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành quyết định số 211/QĐ-UBND về phê duyệt giá trị bàn giao tài sản sau điều chỉnh.
- Ngày 13/01/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Thông báo số 26/TB-UBND đồng ý cho phép Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa liên doanh với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Toàn Hải Nam để đầu tư khách sạn Hải Yến tại số 40 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201469800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 20/04/2012. Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang có trụ sở chính đặt tại số 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của công ty này là 50.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 10.000.000.000 đồng (chiếm 20%) bằng giá trị tài sản của Khách sạn Hải Yến.

Tại thời điểm 0 giờ ngày 07/09/2013, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa cùng với Khách sạn Hải Yến đã tiến hành bàn giao toàn bộ tài sản trên đất cho Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang để góp vốn liên doanh.

- Ngày 29/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Thông báo số 6037/UBND-KT đồng ý cho phép Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Quản trị Trần để đầu tư khách sạn Viễn Đông tại số 01 Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty TNHH Trần - Viễn Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201572660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 14/09/2013. Công ty TNHH Trần - Viễn Đông có trụ sở chính đặt tại số 01 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của công ty này là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 25.000.000.000 đồng (chiếm 25%) bằng giá trị tài sản của Khách sạn Viễn Đông.

4. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đình Xuân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Thái	Thành viên
Ông Đỗ Đăng Khoa	Thành viên
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào thu nhập và bất kỳ khoản lỗ nào phát sinh do việc bán hoặc thanh lý được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-10 năm

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

10. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn Ngân sách Nhà nước cấp được ghi nhận theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 21/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính không niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt tại quỹ	2.250	383.677.600
Tiền gửi ngân hàng	16.006.506.885	11.460.540.237
Cộng	<u>16.006.509.135</u>	<u>11.844.217.837</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng	19.549.500.000	9.000.000.000
Cộng	<u>19.549.500.000</u>	<u>9.000.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.001.089.497	732.545.752
Cộng	<u>2.001.089.497</u>	<u>732.545.752</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	-	4.545.455
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	182.888.120	560.547.409
Cộng	<u>182.888.120</u>	<u>565.092.864</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang - Tiền cổ tức	18.762.974.621	16.262.974.621
Giá trị tài sản theo sổ sách của Khách sạn Quê Hương đưa vào góp vốn thành lập Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang	-	6.701.912.833
Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang - Tiền thuê đất và thuê đất phi nông nghiệp	-	350.764.085
Công ty TNHH Bốn Mùa Nha Trang - phần chênh lệch tài sản khi góp vốn	-	2.360.759.319
Công ty TNHH Bốn Mùa Nha Trang - Trợ cấp thôi việc	-	1.700.090.581
Giá trị tài sản theo sổ sách của Công viên Phù Đổng đưa vào góp vốn thành lập Công ty TNHH Invest Park Nha Trang	-	1.530.472.677
Công ty TNHH Invest Park Nha Trang - Trợ cấp thôi việc	247.565.138	1.237.825.690
Công ty TNHH Invest Park Nha Trang - Tiền thuê đất và thuê đất phi nông nghiệp	-	723.570.469
Công ty TNHH Invest Park Nha Trang - phần chênh lệch tài sản khi góp vốn	2.673.380.000	-
Giá trị tài sản theo sổ sách của Khách sạn Hải Yến đưa vào góp vốn thành lập Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	3.047.906.061	-
Công ty TNHH Trần - Viễn Đông - Trợ cấp thôi việc	523.424.368	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	96.266.129	30.967.742
Các khoản khác	541.663.880	916.768.545
Cộng	25.893.180.197	31.816.106.562

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu	83.488.813	154.725.470
Công cụ, dụng cụ	100.000	28.768.500
Hàng hóa	301.952.174	402.205.465
Cộng	385.540.987	585.699.435

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2013	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2013
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	66.715.086	389.061.844	392.135.804	63.641.126
Chi phí khác	32.892.392	120.491.572	120.802.034	32.581.930
Cộng	99.607.478	509.553.416	512.937.838	96.223.056

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Tạm ứng	402.000.000	405.000.000
Cộng	402.000.000	405.000.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2013	66.165.871.938	25.584.937.807	2.468.071.013	125.461.407	94.344.342.165
Đầu tư hoàn thành	-	-	-	34.354.545	34.354.545
Thanh lý	(548.280.982)	(67.850.650)	-	-	(616.131.632)
Giảm do góp vốn đầu tư dài hạn	(9.544.148.743)	(2.850.869.602)	(762.630.996)	-	(13.157.649.341)
Phân loại lại	(48.351.519)	(1.916.353.407)	-	(125.461.407)	(2.090.166.333)
Tại 31/12/2013	56.025.090.694	20.749.864.148	1.705.440.017	34.354.545	78.514.749.404
Trong đó đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	1.809.569.989	1.179.703.022	1.156.925.818	-	4.146.198.829
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2013	17.823.650.441	7.627.053.560	1.781.470.953	104.908.394	27.337.083.348
Trích khấu hao	2.327.819.598	2.383.397.812	121.068.117	8.699.194	4.840.984.721
Thanh lý	(264.574.949)	(67.850.650)	-	-	(332.425.599)
Giảm do góp vốn đầu tư dài hạn	(8.554.889.360)	(1.409.135.393)	(328.513.882)	-	(10.292.538.635)
Phân loại lại	(48.351.519)	(1.330.045.480)	-	(111.317.284)	(1.489.714.283)
Tại 31/12/2013	11.283.654.211	7.203.419.849	1.574.025.188	2.290.304	20.063.389.552
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2013	48.342.221.497	17.957.884.247	686.600.060	20.553.013	67.007.258.817
Tại 31/12/2013	44.741.436.483	13.546.444.299	131.414.829	32.064.241	58.451.359.852

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
Hệ thống xử lý nước thải - Khách sạn Hải Yến	-	47.543.635
Các công trình khác	-	208.286.491
Cộng	-	255.830.126

11. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết	5.100.000.000	5.100.000.000
Cộng	5.100.000.000	5.100.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết được thành lập theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chuyển Khu Du lịch Dốc Lết thuộc Công ty Du lịch Khánh Hòa thành Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết. Công ty con này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 6 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó. Lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200648638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 25 tháng 4 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty con này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2013, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu trong công ty con.

Hoạt động chính của công ty con này là đầu tư, khai thác Khu Du lịch Dốc Lết và các dịch vụ kèm theo tại phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Trụ sở chính của công ty con đặt tại phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

12. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	22.482.922.300	22.482.922.300
Cộng	22.482.922.300	22.482.922.300

Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Liên doanh Yasaka Sài Gòn Nha Trang theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh Yasaka Sài Gòn Nha Trang ngày 10 tháng 6 năm 2008. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 371032000098 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty liên kết này là 5.424.000,00 USD tương đương 64.792.283.384 VND. Tại ngày 31/12/2013, Công ty sở hữu 34,70% vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết bao gồm: Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; Sản xuất và tiêu thụ bánh trung thu.

Trụ sở chính của công ty liên kết đặt tại 18 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Nam Trung bộ (mệnh giá 10.000 VND/Cổ phiếu)	3.662	36.620.000	3.662	36.620.000
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Du lịch Trí Nguyên - Nha Trang (a)		15.000.000.000		15.000.000.000
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Bốn Mùa Nha Trang (b)		2.250.000.000		2.250.000.000
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang (c)		18.000.000.000		-
Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Invest Park Nha Trang (d)		9.550.000.000		-
Cộng		44.836.620.000		17.286.620.000

- (a) Công ty TNHH Du lịch Trí Nguyên - Nha Trang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201408371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 26/12/2011, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/01/2012.

Vốn điều lệ của công ty này là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 15.000.000.000 đồng (chiếm 15%) bằng giá trị tài sản của Khu du lịch Trí Nguyên.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh bao gồm: Kinh doanh khách sạn; Nhà hàng, ăn uống; Đại lý du lịch và một số hoạt động thể thao khác.

Trụ sở chính của Công ty liên doanh đặt tại Đào Trí Nguyên, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- (b) Công ty TNHH Bốn Mùa Nha Trang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4201370569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/10/2011.

Vốn điều lệ của công ty này là 15.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 2.250.000.000 đồng (chiếm 15%) bằng giá trị tài sản của Khu du lịch Bốn Mùa.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh bao gồm: Cung cấp các dịch vụ ăn uống, giải khát.

Công ty TNHH Bốn Mùa Nha Trang có trụ sở chính đặt tại số 04 Tôn Đản, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- (c) Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4201506668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 19/06/2012.

Vốn điều lệ của công ty này là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa góp 18.000.000.000 đồng (chiếm 18%) bằng giá trị tài sản của Khách sạn Quê Hương.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh bao gồm: Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, cung cấp các dịch vụ ăn uống và các dịch vụ du lịch khác.

Công ty TNHH Mường Thanh Nha Trang có trụ sở chính đặt tại số 60 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- (d) Công ty TNHH Invest Park Nha Trang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 37122000320 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01/03/2012.

Vốn điều lệ của công ty liên kết này là 75.000.000.000 đồng, trong đó Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đăng ký góp 15.000.000.000 đồng (chiếm 20%) bằng giá trị tài sản của Công viên Phù Đổng. Tuy nhiên, giá trị tài sản của Công viên Phù Đổng dùng để góp vốn điều lệ theo xác định lại chỉ còn là 9.550.000.000 đồng (chiếm 12,73%), hiện tại Công ty TNHH Invest Park Nha Trang đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đầu tư cho phù hợp với việc thay đổi giá trị góp vốn và tỷ lệ góp vốn của các thành viên góp vốn.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh bao gồm: Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ du lịch khác.

Công ty TNHH Invest Park Nha Trang có trụ sở chính đặt tại Công viên Phù Đổng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Du lịch Trí Nguyên - Nha Trang	1.158.246.864	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Bốn Mùa Nha Trang	553.994.107	-
Cộng	1.712.240.971	-

15. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2013	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2013
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	3.911.091.227	1.085.138.968	4.092.664.447	903.565.748
Cộng	3.911.091.227	1.085.138.968	4.092.664.447	903.565.748

16. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Ký quỹ hoạt động lưu hành	250.000.000	250.000.000
Cộng	250.000.000	250.000.000

17. Vay và nợ ngắn hạn

	01/01/2013	Vay dài hạn đến hạn trả	Số đã trả trong năm	31/12/2013
Vay dài hạn BIDV Khánh Hòa đến hạn trả (xem thuyết minh IV.24)	4.488.000.000	4.488.000.000	4.488.000.000	4.488.000.000
Cộng	4.488.000.000	4.488.000.000	4.488.000.000	4.488.000.000

18. Phải trả cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
Phải cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định	-	13.399.768
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	578.480.561	769.875.840
Cộng	578.480.561	783.275.608

19. Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
Khách hàng trả trước tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.036.160.060	992.802.240
Cộng	2.036.160.060	992.802.240

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
Thuế GTGT hàng bán nội địa	743.779.763	5.675.959.964	5.841.475.425	578.264.302
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.356.640	-	3.356.640	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.970.470.807	8.395.047.968	7.211.837.180	3.153.681.595
Thuế thu nhập cá nhân	10.810.306	46.863.111	21.717.716	35.955.701
Thuế đất phi nông nghiệp	-	83.855.358	83.855.358	-
Tiền thuê đất	9.362.990.681	1.541.816.700	10.904.807.381	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	12.091.408.197	15.750.543.101	24.074.049.700	3.767.901.598

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh karaoke, massage và sauna với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.15 và thuyết minh V.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

21. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
Phải trả về các dịch vụ đã được cung cấp chưa thanh toán	304.988.398	255.102.941
Cộng	304.988.398	255.102.941

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Kinh phí công đoàn	335.056.105	499.784.255
Tiền thưởng phí phục vụ	651.325.159	1.847.309.745
Các khoản khác	283.577.897	301.668.421
Cộng	1.269.959.161	2.648.762.421

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2013	Năm 2012
Tại 01/01	3.452.387.448	8.414.436.561
Trích từ lợi nhuận sau thuế	348.558.671	-
Tặng khác	-	500.000
Điều chỉnh tăng quỹ theo hướng dẫn của Sở Tài chính	-	243.019.710
Chi khen thưởng, phúc lợi	(3.558.201.499)	(5.205.568.823)
Tại 31/12	242.744.620	3.452.387.448

24. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	01/01/2013	Số tiền vay trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay trả trong năm	31/12/2013
BIDV Khánh Hòa	25.823.819.969	-	4.488.000.000	-	21.335.819.969
Cộng	25.823.819.969	-	4.488.000.000	-	21.335.819.969

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (BIDV Khánh Hòa), phục vụ cho dự án "Cải tạo và mở rộng Khách sạn Viễn Đông" theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2007/HĐTD ngày 12/06/2007. Theo đó, tổng số tiền vay: 53.000.000.000 đồng với thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được đảm bảo, thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Ngày 02/07/2012, Công ty đã ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 04/2007/HĐTD ngày 12/06/2007 với BIDV Khánh Hòa, điều chỉnh lại tổng số tiền vay là 40.611.819.969 đồng. Công ty cam kết trả nợ gốc trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 02/06/2011 đến ngày 01/09/2019.

25. Doanh thu chưa thực hiện

	Năm 2013	Năm 2012
Tại 01/01	160.000.000	145.454.546
Nhận trước về cho thuê mặt bằng	261.818.182	220.000.000
Kết chuyển doanh thu trong năm	247.272.728	205.454.546
Tại 31/12	174.545.454	160.000.000

26. **Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2012	87.627.000.000	19.848.258.560	7.113.169.991		114.588.428.551
Lợi nhuận sau thuế năm 2012				17.258.439.333	17.258.439.333
Thưởng phí phục vụ cho cán bộ công nhân viên				(2.538.076.699)	(2.538.076.699)
Trả lợi nhuận cho chủ sở hữu		(8.355.361.000)			(8.355.361.000)
Chi phí chuyển đổi doanh nghiệp		(90.760.000)			(90.760.000)
Giảm lợi nhuận chia cho chủ sở hữu năm 2011		(243.019.710)	(3.389.088)		(246.408.798)
Tại 31/12/2012	87.627.000.000	11.159.117.850	7.109.780.903	14.720.362.634	120.616.261.387
Tại 01/01/2013	87.627.000.000	11.159.117.850	7.109.780.903	14.720.362.634	120.616.261.387
Lợi nhuận sau thuế năm 2013				30.964.304.808	30.964.304.808
Thưởng phí phục vụ cho cán bộ công nhân viên				(1.921.184.019)	(1.921.184.019)
Hoàn lại chi phí chuyển đổi doanh nghiệp		90.760.000		(90.760.000)	
Chuyển vốn khác sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của chủ sở hữu		(11.249.877.850)		11.249.877.850	
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2012			48.813.186	(397.371.857)	(348.558.671)
Trả lãi cho người góp vốn từ lợi nhuận năm 2012				(17.411.694)	(17.411.694)
Xử lý nợ khó đòi và các tổn thất khác			(666.785.579)		(666.785.579)
Tại 31/12/2013	87.627.000.000	-	6.491.808.510	54.507.817.722	148.626.626.232

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	61.025.502.556	93.446.093.511
Các khoản giảm trừ	-	41.758.183
Doanh thu thuần	61.025.502.556	93.404.335.328
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	58.422.490.864	89.904.765.063
- Doanh thu thuần phí phục vụ	2.603.011.692	3.499.570.265

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	41.751.126.797	68.997.457.056
Cộng	41.751.126.797	68.997.457.056

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.240.933.249	1.768.569.519
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.857.000.000	8.368.741.154
Bán quyền mua cổ phần phát hành thêm tại Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết	6.023.100.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.382.055	394.566.009
Cộng	13.134.415.304	10.531.876.682

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay	4.047.609.827	5.228.133.481
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.712.240.971	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.505.220	5.214.958
Cộng	5.764.356.018	5.233.348.439

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	3.397.149.150	3.783.303.512
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	7.925.537	80.854.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.578.995	123.602.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.063.954	514.676.850
Chi phí khác bằng tiền	174.443.202	452.781.319
Cộng	3.853.160.838	4.955.219.122

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	7.400.924.426	4.006.775.888
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	48.163.532	29.992.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.136.551	120.599.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.232.846	451.181.437
Chi phí khác bằng tiền	2.947.323.335	23.323.393.634
Cộng	10.930.780.690	27.931.943.753

7. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	26.842.269.716	23.438.070.320
Thu nhập từ trợ cấp thôi việc được thanh toán	595.963.495	-
Thu thanh lý tài sản, đồ dùng dụng cụ	57.779.090	271.505.457
Các khoản thu nhập khác	399.354.639	174.796.684
Cộng	27.895.366.940	23.884.372.461

8. Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí phạt chậm nộp về thuế	-	64.548.329
Các khoản chi phí khác	396.507.681	225.299.695
Cộng	396.507.681	289.848.024

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.359.352.776	20.412.768.077
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	2.400.000	111.725.297
Các khoản chi phí không được trừ	2.400.000	111.725.297
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.857.000.000)	(8.375.271.116)
Thu nhập không chịu thuế	(5.857.000.000)	(8.375.271.116)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	33.504.752.776	12.149.222.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh tính theo thuế suất phổ thông (25%)	8.376.188.194	3.037.305.565
Điều chỉnh thuế thu nhập của năm trước	18.859.774	117.023.179
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.395.047.968	3.154.328.744

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết	Công ty con
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2013	Năm 2012
Công ty Cổ phần Du lịch Dốc Lết		
Cổ tức được chia	357.000.000	255.000.000
Nhận tiền chia cổ tức	357.000.000	765.000.000
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang		
Cổ tức được chia	5.500.000.000	8.106.417.154
Nhận tiền chia cổ tức	3.000.000.000	2.250.000.000

Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm 2013 về tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang		
Phải thu tiền cổ tức (thuyết minh số IV.5)	18.762.974.621	16.262.974.621

2. Các cam kết

Cam kết góp vốn đầu tư

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết góp vốn đầu tư như sau:

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn còn phải góp tại 31/12/2013
		Số tiền	%	
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	50.000.000.000	10.000.000.000	20,00	10.000.000.000
Công ty TNHH Trần - Viễn Đông	100.000.000.000	25.000.000.000	25,00	25.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	35.000.000.000		35.000.000.000

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, các khoản vay ngân hàng, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường để có những chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro về giá hàng hóa ở mức thấp nhất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro các khoản phải thu khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2013				
Các khoản vay và nợ	4.488.000.000	17.952.000.000	7.871.819.969	30.311.819.969
Phải trả người bán	783.275.608	-	-	783.275.608
Chi phí phải trả	255.102.941	-	-	255.102.941
Các khoản phải trả khác	2.648.762.421	-	-	2.648.762.421
Cộng	8.175.140.970	17.952.000.000	7.871.819.969	33.998.960.939
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	4.488.000.000	17.952.000.000	3.383.819.969	25.823.819.969
Phải trả người bán	578.480.561	-	-	578.480.561
Chi phí phải trả	304.988.398	-	-	304.988.398
Các khoản phải trả khác	1.269.959.161	-	-	1.269.959.161
Cộng	6.641.428.120	17.952.000.000	3.383.819.969	27.977.248.089

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2013		01/01/2013		31/12/2013	01/01/2013
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.006.509	-	11.844.218	-	16.006.509	11.844.218
Tiền gửi có kỳ hạn	19.549.500	-	9.000.000	-	19.549.500	9.000.000
Phải thu khách hàng	2.001.089	-	732.546	-	2.001.089	732.546
Phải thu khác	25.893.180	-	31.816.107	-	25.893.180	31.816.107
Tài sản tài chính dài hạn	44.836.620	(1.712.241)	17.286.620	-	43.124.379	17.286.620
Cộng	108.286.899	(1.712.241)	70.679.490	-	106.574.658	70.679.490

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Các khoản vay và nợ	25.823.819.969	30.311.819.969	25.823.819.969	30.311.819.969
Phải trả người bán	578.480.561	783.275.608	578.480.561	783.275.608
Chi phí phải trả	304.988.398	255.102.941	304.988.398	255.102.941
Các khoản phải trả khác	1.269.959.161	2.648.762.421	1.269.959.161	2.648.762.421
Cộng	27.977.248.089	33.998.960.939	27.977.248.089	33.998.960.939

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác này được trình bày bằng giá trị thuần.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

5. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý và người lao động

Quỹ tiền lương của viên chức quản lý năm 2013: 1.720.353.667 đồng.

Quỹ tiền lương của người lao động năm 2013: 19.636.073.529 đồng.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 23/01/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị tài sản của Công viên Phù Đổng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa bàn giao cho Công ty TNHH Invest Park Nha Trang như đã nêu ở mục "Các sự kiện quan trọng" tại thuyết minh I.3.

Ngày 20/03/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 660/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Khách sạn Hải Yến thuộc Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa đưa vào góp vốn liên doanh. Giá trị vốn góp điều lệ bằng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Khánh Hòa vào Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang là 16.000.000.000 đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

7. Lập và công bố lại Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện việc tính toán lại việc ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho phù hợp với số liệu trên báo cáo tài chính của hai đơn vị nhận góp vốn. Để đảm bảo tính phù hợp của số liệu, Ban Giám Tổng đốc quyết định lập lại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để thay thế cho báo cáo tài chính đã công bố ngày 25 tháng 3 năm 2014, trong đó Công ty đã thực hiện thay đổi số liệu liên quan đến khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (giảm số trích dự phòng đầu tư tài chính cho năm 2013 số tiền 779.710.122 đồng).

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2014



Phan Văn Sỹ
Người lập biểu



Đỗ Đăng Khoa
Kế toán trưởng



Phạm Đình Xuân
Tổng Giám đốc

